TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2025/QĐST-DS	*Quảng Ninh, ngày 19 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 155, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ: tòa nhà V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đỗ Hoàng L; chức danh: Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ Pháp lý;

Người nhận ủy quyền lại: ông Phạm Văn H, là Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: số E, đường H, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

- Công ty cổ phần M; địa chỉ: tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Anh T, chức danh: Tổng Giám

đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Như G, là Trưởng Phòng xử lý nợ Miền Bắc;

Người nhận ủy quyền lại: ông Lương Quốc H1, là Chuyên viên xử lý nợ; ông Nguyễn Phạm Chí P, là Chuyên viên xử lý nợ.

* Bị đơn: chị Phan Thị C, sinh năm 1997 và anh Lữ Trung K, sinh năm 1997; đều cư trú tại: tổ C, khu E, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả:

2.1.1 Chị Phan Thị C và anh Lữ Trung K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến hết ngày 11/8/2025) số tiền là: 259.630.326 (hai trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, ba trăm hai mươi sáu) đồng; bao gồm: nợ gốc là 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng, lãi trong hạn là 64.240.800 (sáu mươi tư triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, tám trăm) đồng, lãi quá hạn là 1.320.162 (một triệu, ba trăm hai mươi nghìn, một trăm sáu mươi hai) đồng, lãi chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 9.069.364 (chín triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi tư) đồng.

Trong đó:

Đối với Hợp đồng cho vay số LN2606059361984 ngày 28/7/2025, chị Phan Thị C và anh Lữ Trung K có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến hết ngày 11/8/2025) số tiền là 49.134.067 (bốn mươi chín triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, không trăm sáu mươi bảy) đồng; bao gồm: nợ gốc là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng, lãi trong hạn là 12.201.253 (mười hai triệu, hai trăm linh một nghìn, hai trăm năm mươi ba) đồng, lãi quá hạn là 210.574 (hai trăm mười nghìn, năm trăm bảy mươi tư) đồng, lãi chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 1.722.239 (một triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm ba mươi chín) đồng.

Đối với Hợp đồng cho vay số LN2606059361707 ngày 28/7/2025, chị Phan Thị C và anh Lữ Trung K có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến hết ngày 11/8/2025) số tiền là 210.496.262 (hai trăm mười triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi hai) đồng; bao gồm: nợ gốc là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, lãi trong hạn là 52.039.547 (năm mươi hai triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi bảy) đồng, lãi quá hạn là 1.109.589 (một triệu, một trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi chín) đồng, lãi chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 7.347.126 (bảy triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi sáu) đồng.

2.1.2 Chị Phan Thị C và anh Lữ Trung K có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần M (tạm tính đến hết ngày 11/8/2025) số tiền là: 2.336.672.961 (hai tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi mốt)

đồng; bao gồm: nợ gốc là 1.665.000.000 (một tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu) đồng, lãi trong hạn là 578.167.195 (năm trăm bảy mươi tám triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi lăm) đồng, lãi quá hạn là 11.881.480 (mười một triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn, bốn trăm tám mươi) đồng, lãi chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 81.624.286 (tám mươi mốt triệu, sáu trăm hai mươi tư nghìn, hai trăm tám mươi sáu) đồng.

Trong đó:

Đối với Hợp đồng cho vay số LN2606059361984 ngày 28/7/2025, chị Phan Thị C và anh Lữ Trung K có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần M (tạm tính đến hết ngày 11/8/2025) số tiền là 442.206.609 (bốn trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm linh sáu nghìn, sáu trăm linh chín) đồng; bao gồm: nợ gốc là 315.000.000 (ba trăm mười lăm triệu) đồng, lãi trong hạn là 109.811.279 (một trăm linh chín triệu, tám trăm mười một nghìn, hai trăm bảy mươi chín) đồng, lãi quá hạn là 1.895.178 (một triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi tám) đồng, lãi chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 15.500.151 (mười lăm triệu, năm trăm nghìn, một trăm năm mươi mốt) đồng.

Đối với Hợp đồng cho vay số LN2606059361707 ngày 28/7/2025, chị Phan Thị C và anh Lữ Trung K có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần M (tạm tính đến hết ngày 11/8/2025) số tiền là 1.894.466.352 (một tỷ, tám trăm chín mươi tư triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, ba trăm năm mươi hai) đồng; bao gồm: nợ gốc là 1.350.000.000 (một tỷ, ba trăm năm mươi triệu) đồng, lãi trong hạn là 468.355.916 (bốn trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm năm mươi năm nghìn, chín trăm mười sáu) đồng, lãi quá hạn là 9.986.301 (chín triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm linh một) đồng, lãi chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 66.124.135 (sáu mươi sáu triệu, một trăm hai mươi tư nghìn, một trăm ba mươi lăm) đồng.

(Theo Hợp đồng cho vay số LN2306059361984, ngày 28/7/2023, Hợp đồng cho vay số LN2306059361707 ngày 28/7/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và anh Lữ Trung K, chị Phan Thị C; Hợp đồng mua bán nợ số 13/2024/VPB-JUPITER, Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 13/2024/VPB-JUPITER, ký hiệu: 32/PL01/HDD/VPB- JUPITER ngày 29/11/2024, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M).

2.2 Về thời hạn trả nợ:

- Chậm nhất là ngày 21/8/2025, anh Lữ Trung K và chị Phan Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến hết ngày 11/8/2025) số tiền là 259.630.328 (hai trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, ba trăm hai mươi tám) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/8/2025.

- Chậm nhất là ngày 21/8/2025, anh Lữ Trung K và chị Phan Thị C phải trả Công ty cổ phần M (tạm tính đến hết ngày 11/8/2025) số tiền là 2.336.672.960 (hai tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/8/2025.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 11/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, chị Phan Thị C và anh Lữ Trung K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN2606059361984 ngày 28/7/2025, Hợp đồng cho vay số LN2606059361707 ngày 28/7/2025, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh T1 và anh Lữ Trung K, chị Phan Thị C, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà chị Phan Thị C và anh Lữ Trung K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.5 Trường hợp đến hạn mà chị Phan Thị C và anh Lữ Trung K không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số tiền số tiền là: 259.630.326 (hai trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, ba trăm hai mươi sáu) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/8/2025 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V; số tiền là: 2.336.672.961 (hai tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi mốt) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/8/2025 cho Công ty cổ phần M, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 585,6m^2 đất, thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 105; địa chỉ: thôn Đ, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn Đ, phường H, tỉnh Quảng Ninh); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 540234, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH80640, do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/7/2023 người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản: anh Lữ Trung K, chị Phan Thị C; (theo hợp đồng thế chấp số LN2306059361984, ngày 25/7/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh Q và chị Phan Thị C, anh Lữ Trung K).

2.6 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M thì chị Phan Thị C và anh Lữ Trung K phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M.

2.7. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ): Công ty cổ phần M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ) và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.8 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Bị đơn anh Lữ Trung K và chị Phan Thị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí đối với số tiền 259.630.326 (hai trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, ba

trăm hai mươi sáu) đồng, anh K và chị C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V là 6.490.758 (sáu triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, bảy trăm năm mươi tám) đồng.

Bị đơn anh Lữ Trung K và chị Phan Thị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí đối với số tiền 2.336.672.961 (hai tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi mốt) đồng, anh K và chị C phải trả cho Công ty cổ phần M là 39.366.729 (ba mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm hai mươi chín) đồng.

Tổng cộng bị đơn anh Lữ Trung K và chị Phan Thị C chịu 45.857.487 (bốn mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm tám mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 5.912.000 (năm triệu, chín trăm mười hai nghìn) đồng, tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000152 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền 37.286.000 (ba mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn) đồng, tạm ứng án phí Công ty cổ phần M đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000138, ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh QN;
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An